

UNIT 1

Class	New Word	Meaning
		di sản
		khoản thừa kế
		chị dâu, chị chồng
	Children Art	
		trở ngại
		đồng nghiệp
		anh em ruột
		nhấn mạnh
		giống hệt nhau
		trước
		bạn có chung 1 nơi, bạn đời
		gà trống nuôi con
		người quen
		ly dị
		thân thiện với gia đình
		đối tác kinh doanh
		anh/chị/em kế
		bà cô
		mối liên kết
		vợ chồng (formal)
		cấm
		anh/chị/em cùng cha khác mẹ
		chia tách, ly thân
		sự chia cách, sự ly thân
		tuổi trưởng thành

UNIT 1

Class	New Word	Meaning
		cả đời
		tâm linh
		trao quyền
		người qua đời
		đủ
		chia tay
		tài sản
		ước tính
		ý chí, di chúc
		thần giao cách cảm
		đánh giá thấp
		góa phụ
		trường hợp
		luật pháp, sự làm luật
		ganh tị
		phức tạp
		tài sản, vật sở hữu
		nửa còn lại
		nghĩa vụ
		giải quyết, xử lý
		chứng minh, làm rõ
		tuyên bố, phát ngôn
		bắt buộc
		chồng trước, vợ trước
		cải cách

UNIT 1

Class	New Word	Meaning
		chống phân biệt
		phân biệt
		khá
		cam kết
		sự cam kết
		hủy hoại
		sự chung sống
		cơ sở, viện
		thân mật
		sự thân mật
		sự thích nghi
		thích nghi
		chủ nghĩa cá nhân
		gánh nặng
		sự phỏng đoán
		phỏng đoán
		thông thường
		chiến thuật
		xã hội hóa, làm cho hòa nhập với xã hội
		nhà xã hội học
		phê bình
		mang tính phê bình
		quan trọng
		dường như
		tiến hóa

UNIT 1

Class	New Word	Meaning
		triệu chứng
		lỗi mốt, lỗi thời
		phân tích
		sự phân tích
		sự bất ổn
		không an toàn, bất an
		sự tranh cãi
		gây tranh cãi
		sự mất cân bằng
		cân bằng, bền vững
		thiểu số
		đa số
		người ủng hộ truyền thống
		thu được
		chính trị gia
		chính sách
		tranh luận
		sự hài hòa
		giao tiếp
		sự giao tiếp
		rắc rối, khó hiểu
		quan sát
		kết quả
		xác nhận
		mức độ, mật độ

UNIT 1

[illegible]